

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 01 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Hoàn

Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2018/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T ; Sinh năm 1959. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M ; Sinh năm 1968. Có mặt

Đều trú tại: Phố T xã T , huyện T , tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị M tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới vào ngày 20/9/1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được 30 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không còn tình cảm với nhau. Tháng 11 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị M .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A , sinh ngày 23/6/1989 và cháu Nguyễn Tiến D , sinh ngày 29/5/1991. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Tuấn tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T hiểu nhầm chị M có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng cũng đã hòa giải, bỏ qua cho nhau và chung sống bình thường nhưng chỉ trong thời gian ngắn. Tháng 10/2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh T miệt thị, xúc phạm chị M nên tình cảm vợ chồng không thể níu kéo được nữa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị M đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A , sinh ngày 23/6/1989 và cháu Nguyễn Tiến D , sinh ngày 29/5/1991. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ chung sống giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M từ ngày 20/9/1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy quan hệ chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị là phù hợp.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đều đã thành niên nên HĐXX không xem xét.

[3]. Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị M .

2. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2017/0001322 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các DS
- Thi hành án DS huyện Thọ Xuân
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng